



Lấp lánh đẹp mắt, công năng ổn định

MASTERColour CDM-T

Dòng đèn phóng điện nhỏ gọn, một đầu, hiệu suất cao với ánh sáng ổn định suốt thời gian sử dụng, tạo ánh sáng lung linh sắc nét

Lợi ích

- Hiệu ứng màu ổn định trong suốt thời hạn sử dụng
- Hiệu suất bóng đèn cao dẫn đến chi phí vận hành thấp và ít sinh nhiệt
- Tuổi thọ cao hơn đèn sợi đốt và đèn halogen
- Sinh nhiệt tương đối ít, tạo cảm giác thoải mái cho người mua sắm và nhân viên
- Tất cả các đèn đều có tính năng chặn tia UV để hạn chế rủi ro suy giảm độ sáng

Tính năng

- Ánh sáng trắng sắc nét
- Chất lượng màu ưu việt
- Hỗ trợ thiết kế các bộ đèn cỡ nhỏ mang lại cường độ chùm sáng cao

Ứng dụng

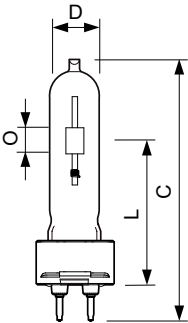
- Cửa hiệu và cửa sổ trưng bày, văn phòng và công trình công cộng
- Trang trí ngoài trời: sân bãi và khu vực dành cho người đi bộ

Cảnh báo và An toàn

- Chỉ sử dụng với những bộ đèn kín hoàn toàn, ngay cả trong quá trình thử nghiệm (IEC61167, IEC 62035, IEC60598)
- Bộ đèn phải có khả năng giữ lại mảnh vỡ nóng khi bóng đèn bị vỡ
- Bộ điều khiển phải có tính năng bảo vệ vào cuối thời hạn sử dụng (IEC61167, IEC 62035)
- Đèn có thể sử dụng bộ điều khiển điện tử hoặc điện tử, ngoại trừ đèn 35W/942 và 20W phải sử dụng bộ điều khiển điện tử.
- Khả năng bóng đèn vỡ gây ảnh hưởng đến sức khỏe người dùng là gần như không thể. Nếu bóng đèn bị vỡ, hãy thông gió cho phòng trong 30 phút và tháo các bộ phận ra, tốt hơn là nên đeo găng tay. Đặt các bộ phận vào một túi nhựa kín và mang đến các cơ sở xử lý chất thải địa phương để tái chế. Không sử dụng máy hút bụi.

MASTERColour CDM-T

Bản vẽ kích thước



Product	D (max)	D	O	L (min)	L (max)	L	C (max)
MASTERColour CDM-T 35W/830 G12 1CT/12	20 mm	0,75 in	5 mm	55 mm	57 mm	56 mm	103 mm
MASTERColour CDM-T 150W/830 G12 1CT	20 mm	0,75 in	9 mm	55 mm	57 mm	56 mm	110 mm
MASTERColour CDM-T 70W/942 G12 1CT/12	20 mm	0,75 in	6 mm	55 mm	57 mm	56 mm	103 mm
MASTERColour CDM-T 150W/942 G12 1CT	20 mm	0,75 in	8 mm	55 mm	57 mm	56 mm	110 mm

Điều khiển và thay đổi độ sáng	
Tính năng làm mờ	Không
Thông số vận hành và điện	
Thời gian kích sáng lại (Tối thiểu) (Tối đa)	15 min
Thông tin chung	
Đầu đèn-Đế đèn	G12
Thời hạn sử dụng đến 10% công năng (Danh định)	10000 h
Thời hạn sử dụng đến 20% công năng (Danh định)	11000 h
Thời hạn sử dụng đến 50% công năng (Danh định)	12000 h
Thời hạn sử dụng đến 5% công năng (Danh định)	9000 h
Vị trí hoạt động	UNIVERSAL
Cơ khí và bộ vỏ	
Hoàn thiện bóng đèn tròn	Trong suốt
Hình dạng bóng đèn	T19

Phê duyệt và Ứng dụng

Order Code	Full Product Name	Tiêu thụ năng lượng kWh/1000 h	Hàm lượng Thủy ngân (Hg) (Tối đa)	Hàm lượng Thủy ngân (Hg) (Danh định)
928083105125	MASTERColour CDM-T 35W/830 G12 1CT/12	40 kWh	3,2 mg	3,1 mg
928083705125	MASTERColour CDM-T 150W/830 G12 1CT	151 kWh	14,3 mg	14,3 mg
928084505131	MASTERColour CDM-T 70W/942 G12 1CT/12	74 kWh	6,1 mg	6,1 mg
928084605131	MASTERColour CDM-T 150W/942 G12 1CT	151 kWh	10,4 mg	10,4 mg

Thông số vận hành và điện (1/2)

Order Code	Full Product Name	Cường độ dòng điện của bóng đèn (EM)			
		(Danh định)	Điện áp (Tối đa)	Điện áp (Tối thiểu)	Điện áp (Danh định)
928083105125	MASTERColour CDM-T 35W/830 G12 1CT/12	0,53 A	90 V	76 V	82 V
928083705125	MASTERColour CDM-T 150W/830 G12 1CT	1,8 A	106 V	86 V	96 V

Order Code	Full Product Name	Cường độ dòng điện của bóng đèn (EM)			
		(Danh định)	Điện áp (Tối đa)	Điện áp (Tối thiểu)	Điện áp (Danh định)
928084505131	MASTERColour CDM-T 70W/942 G12 1CT/12	0,98 A	96 V	80 V	88 V
928084605131	MASTERColour CDM-T 150W/942 G12 1CT	1,9 A	98 V	82 V	90 V

Thông số vận hành và điện (2/2)

MASTERColour CDM-T

Order Code	Full Product Name	Công suất (Danh định)
928083105125	MASTERColour CDM-T 35W/830 G12 1CT/12	39,1 W
928083705125	MASTERColour CDM-T 150W/830 G12 1CT	150,1 W

Order Code	Full Product Name	Công suất (Danh định)
928084505131	MASTERColour CDM-T 70W/942 G12 1CT/12	73,2 W
928084605131	MASTERColour CDM-T 150W/942 G12 1CT	150,1 W

Các yêu cầu thiết kế bộ đèn

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ bóng (Tối đa)
928083105125	MASTERColour CDM-T 35W/830 G12 1CT/12	500 °C
928083705125	MASTERColour CDM-T 150W/830 G12 1CT	650 °C

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ bóng (Tối đa)
928084505131	MASTERColour CDM-T 70W/942 G12 1CT/12	500 °C
928084605131	MASTERColour CDM-T 150W/942 G12 1CT	650 °C

Thông số kĩ thuật ánh sáng (1/3)

Order Code	Full Product Name	Tọa độ màu X (Danh định)	Tọa độ màu Y (Danh định)	Mã màu	Chỉ định màu
928083105125	MASTERColour CDM-T 35W/830 G12 1CT/12	0,434	0,398	830	Trắng ấm (WW)
928083705125	MASTERColour CDM-T 150W/830 G12 1CT	0,434	0,398	830	Trắng ấm (WW)

Order Code	Full Product Name	Tọa độ màu X (Danh định)	Tọa độ màu Y (Danh định)	Mã màu	Chỉ định màu
928084505131	MASTERColour CDM-T 70W/942 G12 1CT/12	0,371	0,366	942	Trắng mát (CW)
928084605131	MASTERColour CDM-T 150W/942 G12 1CT	0,371	0,366	942	Trắng mát (CW)

Thông số kĩ thuật ánh sáng (2/3)

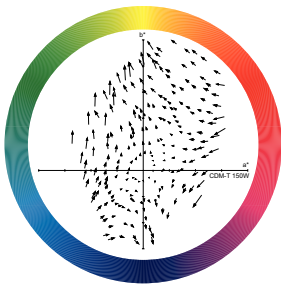
Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ màu tương quan (Danh định)	Chỉ số Hoàn Màu (Danh định)	Hệ số duy trì quang thông 10000 giờ (Danh định)	Hệ số duy trì quang thông 2000 giờ (Tối thiểu)	Hệ số duy trì quang thông 2000 giờ (Danh định)	Hệ số duy trì quang thông 5000 giờ (Tối thiểu)	Hệ số duy trì quang thông 5000 giờ (Danh định)	Quang hiệu (định mức) (Danh định)	Quang thông (Danh định)
928083105125	MASTERColour CDM-T 35W/830 G12 1CT/12	3000 K	83	50 %	70 %	80 %	60 %	70 %	79 lm/W	3100 lm
928083705125	MASTERColour CDM-T 150W/830 G12 1CT	3000 K	88	60 %	65 %	75 %	60 %	70 %	88 lm/W	13000 lm
928084505131	MASTERColour CDM-T 70W/942 G12 1CT/12	4200 K	92	65 %	75 %	85 %	65 %	75 %	85 lm/W	6200 lm
928084605131	MASTERColour CDM-T 150W/942 G12 1CT	4200 K	96	70 %	75 %	85 %	70 %	80 %	82 lm/W	12100 lm

Thông số kĩ thuật ánh sáng (3/3)

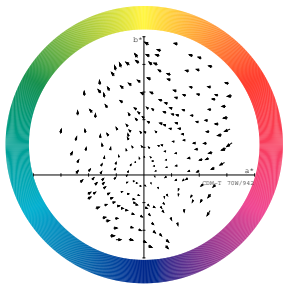
Order Code	Full Product Name	Quang thông (Định mức) (Tối thiểu)	Quang thông (Định mức) (Danh định)
928083105125	MASTERColour CDM-T 35W/830 G12 1CT/12	-	3100 lm
928083705125	MASTERColour CDM-T 150W/830 G12 1CT	11700 lm	13000 lm

Order Code	Full Product Name	Quang thông (Định mức) (Tối thiểu)	Quang thông (Định mức) (Danh định)
928084505131	MASTERColour CDM-T 70W/942 G12 1CT/12	-	6200 lm
928084605131	MASTERColour CDM-T 150W/942 G12 1CT	10900 lm	12100 lm

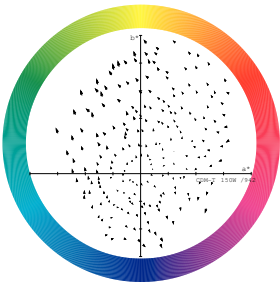
Sơ đồ hoàn màu



LDCR_CDM-T_150W_830-Colour rendering diagram



LDCR_CDM-T_70W_942-Colour rendering diagram



LDCR_CDM-T_150W_942-Colour rendering diagram

